

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 8 - 2022.

V/v “*Tranh chấp kiện ly hôn,  
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phương và bà Nguyễn Thị Chương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hồng Liên - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**- Đại D Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị D, sinh năm 1977 (hay còn có năm sinh 1976); địa chỉ: Số nhà 502, tổ 10, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

**\* Bị đơn:** Anh Ngô Phú T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 502, tổ 10, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an thành phố Phủ Lý.

(Phiên tòa có mặt chị D; vắng mặt anh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai của các đương sự, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Bùi Thị D và anh Ngô Phú T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã TX, huyện BL (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam vào ngày 09 tháng 5 năm 1995. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 05 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không được hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích khiến cho cuộc sống hôn nhân nặng nề, anh T còn tẩm xăng đốt chị D. Chị D còn cho rằng anh T còn có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan

tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa. Còn anh T trình bày từ khi anh bị bắt tạm giữ, tạm giam thì vợ chồng ly thân. Hiện nay anh T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an thành phố Phủ Lý. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Phú T. Anh T thấy rằng vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Ngô Thị N1, sinh ngày 28/7/1996 (con gái); Ngô Thị N2, sinh ngày 28/11/1997 (con gái) và cháu Ngô Phú T, sinh ngày 08/9/2011 (con trai).

Hiện nay cháu N1 và cháu N2 đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng chấp nhận giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng.

Về con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Bùi Thị D và anh Ngô Phú T theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị D và anh T có ba con chung, tuy nhiên hai cháu đã trên 18 tuổi trưởng thành tự lập được, còn cháu Ngô Phú T, sinh ngày 08/9/2011 hiện nay đang ở cùng chị D vì anh T đang bị tạm giam, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

\* Đại D Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị D. Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị D và anh Ngô Phú T.

+ Về con chung: Giao chị D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngô Phú T, sinh ngày 08/9/2011 (con trai), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Ngô Phú T có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 10, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Bùi Thị D và anh Ngô Phú T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị D và anh Ngô Phú T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX, huyện BL (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam vào ngày 09 tháng 5 năm 1995 nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn, vợ chồng chị D, anh T đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có ba con chung, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T vi phạm pháp luật và đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an thành phố Phủ Lý. Thực tế cho thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, anh T còn tẩm xăng dọa đốt chị D cho thấy tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử lý hôn giữa chị D và anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Ngô Thị N1, sinh ngày 28/7/1996 (con gái); Ngô Thị N2, sinh ngày 28/11/1997 (con gái) và cháu Ngô Phú T, sinh ngày 08/9/2011 (con trai). Hiện nay cháu N1 và cháu N2 đã trưởng thành các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Từ khi anh T bị bắt giữ đến nay cháu T do chị D nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị D đề nghị được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Anh T cũng nhất trí với quan điểm của chị D vì hiện nay anh đang bị tạm giam chờ phán quyết của pháp luật nên cũng không thể chăm sóc được con chung. Xét thấy sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung giữa chị D và anh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đồng thời cũng phù hợp

với tình hình thực tế của chị D và anh T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của chị D và anh T.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay chị D không có thai nghén gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị D và anh Ngô Phú T.

[2] Về con chung: Giao chị Bùi Thị D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Ngô Phú T, sinh ngày 08/9/2011 (con trai), cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị D được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000385 ngày 21/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị D đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt tại phiên

tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã Trịnh Xá, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Xuyên**